

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

Bản án số: 23/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 03-4-2026

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Quy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Triệu Thị Liên, ông Nguyễn Minh Biên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thanh Huyền - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Đài Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 03/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 227/2025/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/3/2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996; địa chỉ: Tầng A số D đường S, thành phố B, huyện B, Đài Loan. Vắng mặt (có đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt đề ngày 06/01/2026).

- **Bị đơn:** Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1991; nghề nghiệp: địa chỉ: Thôn B, xã L, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 06/01/2026).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2025, Bản tự khai ngày 06/01/2026, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Hoàng Văn T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 07/01/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng với nhau tại nhà bố mẹ đẻ của anh T, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian, cùng năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Do lấy chồng xa quê, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, con còn nhỏ, kinh tế không có khiến bản thân chị cảm thấy áp lực và mệt mỏi nên cũng trong năm 2016 chị đã bế con chung về nhà bố mẹ đẻ của chị tại thôn H, xã H, tỉnh Thanh Hóa để sinh sống và làm việc. Khi hai mẹ con chị về nhà ngoại sinh sống, anh T có về quê hòa giải, vận động chị với mong muốn chị

suy nghĩ lại để cho hai bên một cơ hội quay về chung sống cho con có một gia đình trọn vẹn, tuy nhiên do đã hết tình cảm với anh T nên chị cương quyết không quay lại, cũng từ đó cho đến nay cả hai anh chị không liên lạc và cũng không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Do làm ăn kinh tế trong nước khó khăn, thu nhập thấp nên năm 2022 khi con lớn hơn, chị quyết định gửi con nhờ ông bà ngoại chăm sóc giúp để chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên động viên, hòa giải nhiều lần, nhiều năm nhưng không thành. Đến nay, xác định tình cảm không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 27/11/2015, hiện đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ chị là ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Thị T1, tại địa chỉ: thôn H, xã H, tỉnh Thanh Hóa. Khi ly hôn chị có nguyện vọng là người được giao trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu B, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm việc vắng nhà nên nếu được giao nuôi dưỡng con chung thì chị sẽ ủy quyền cho bố mẹ đẻ của chị thay chị nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B, chị sẽ có trách nhiệm gửi tiền về hàng tháng để ông bà chăm sóc con giúp chị trong thời gian chị đi làm vắng nhà, chị sẽ thu xếp công việc để về nước trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy con trong thời gian sớm nhất.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/01/2026, chị H có quan điểm hiện nay chị đang lao động tại Đài Loan vì vậy không thể có mặt ở trong nước để giải quyết vụ án do đó chị xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang và đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang giải quyết vắng mặt chị. Đề nghị Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt chị và thông báo lại kết quả phiên họp cho người được chị ủy quyền nhận văn bản tố tụng là bà Vũ Thị C, sinh năm 1990, địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, thành phố Hải Phòng. Do mâu thuẫn giữa vợ chồng đã rất trầm trọng, không thể hòa giải được nên chị từ chối hòa giải, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải việc chị xin ly hôn với anh T và tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2026, bị đơn anh Hoàng Văn T trình bày: Anh T xác nhận thời gian kết hôn, quá trình chung sống, con chung, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và việc giải quyết mâu thuẫn đúng như chị H trình bày. Vợ chồng anh chị đã ly thân được 10 năm nay, tình cảm đã rạn nứt không thể hàn gắn, vì vậy anh hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị H, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Về con chung, hiện nay cháu B đã ổn định nơi ở cũng như sinh hoạt, học tập bên ngoại. Công việc của anh không cố định thời gian và thường xuyên vắng nhà, để tạo điều kiện phát triển tốt nhất cho cháu B, anh nhất trí theo yêu cầu của chị H là để cháu tiếp tục ở Thanh Hoá và nhờ ông bà ngoại chăm sóc cháu. Chị H không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh sẽ có trách nhiệm thăm nom con thường xuyên, khi có công việc phải chi phí cho cháu thì anh sẽ thực hiện. Về tài sản và

công nợ không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Ngày 06/01/2026, anh [T](#) có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên và không có đề nghị gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp đảm bảo tính hợp pháp, Tòa án đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị [Nguyễn Thị H](#) được ly hôn anh [Hoàng Văn T](#); về con chung: Giao cháu [Hoàng Gia B](#), sinh ngày 27/11/2015 cho chị [Nguyễn Thị H](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, anh [T](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí: Nguyên đơn chị [Nguyễn Thị H](#) phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị [Nguyễn Thị H](#) khởi kiện xin ly hôn với anh [Hoàng Văn T](#) và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa và trong quá trình tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có lời khai trong hồ sơ vụ án và đều có đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tại phiên họp vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn, ông thời, do nguyên đơn từ chối hòa giải, các đương sự đề nghị giải quyết vắng trước khi Tòa án ra thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ cho các đương sự nắm bắt, tiếp cận để các đương sự thực hiện quyền sao chụp tài liệu, chứng cứ nếu có yêu cầu và không tiến hành hòa giải giữa các đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị [Nguyễn Thị H](#) và anh [Hoàng Văn T](#) được tự do tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn ngày 07/01/2016 tại [Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang](#) (cũ), việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị [H](#) và anh [T](#) là hôn nhân hợp pháp.

[5] Về tình trạng hôn nhân: Chị [H](#), anh [T](#) đều xác nhận hai bên phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hai bên không thông cảm cho nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Chị [H](#) đã bế cháu [B](#) về nhà bố mẹ đẻ của chị [H](#) ở [thôn H, xã H, tỉnh Thanh Hóa](#) để sinh sống. Hai vợ chồng chị [H](#), anh [T](#) đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, hai bên không tìm được tiếng nói chung, không tìm được cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến tình trạng sống ly thân kéo dài, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Nguyễn Thị H](#) về việc xin ly hôn với anh [Hoàng Văn T](#).

[8] Về con chung: Chị [H](#), anh [T](#) xác nhận quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là cháu [Hoàng Gia B](#), sinh ngày 27/11/2015, hiện đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ chị [H](#) là ông [Nguyễn Văn L](#) và bà [Bùi Thị T1](#), tại địa chỉ: [thôn H, xã H, tỉnh Thanh Hóa](#). Tại bản tự khai đề ngày 01/3/2026, cháu [Hoàng Gia B](#) trình bày: Cháu không muốn bố mẹ cháu ly hôn nhưng nếu bố mẹ cháu vẫn quyết định ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ của cháu. Hiện nay mẹ cháu đang đi làm xa nhà, cháu xin được ở với ông bà ngoại của cháu. Văn bản có xác nhận của người chứng kiến (bà [Nguyễn Thị H1](#)), của trưởng thôn [Hiền V](#) (bà [Tống Thị H2](#)) và [Ủy ban nhân dân xã H](#), tỉnh Thanh Hóa.

[9] Tại Đơn đề nghị ngày 01/3/2026, ông [Nguyễn Văn L](#) và bà [Bùi Thị T1](#) là bố mẹ đẻ của chị [H](#) trình bày: Ông bà xác nhận thời gian kết hôn, quá trình chung sống, con chung, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và việc giải quyết mâu thuẫn đúng như chị [H](#) và anh [T](#) đã trình bày. Ông bà mong muốn con cái được hạnh phúc để cháu [B](#) không thiếu thốn tình cảm nên cũng nhiều lần khuyên giải, động viên chị [H](#) suy nghĩ lại, cho anh [T](#) một cơ hội để hai vợ chồng về chung sống. Tuy nhiên, chị [H](#) có nói không còn tình cảm với chồng, không muốn quay lại, đến nay, chị [H](#) tiếp tục giữ nguyên quan điểm như vậy thì ông bà tôn trọng quyết định của chị [H](#) vì các con đã trưởng thành, có gia đình, tự chịu trách nhiệm với cuộc sống và với mọi quyết định của mình.

Ông bà xác nhận vợ chồng chị [H](#), anh [T](#) có 01 con chung là cháu [Hoàng Gia B](#), sinh ngày 27/11/2015, hiện đang ở cùng với vợ chồng ông bà. Chị [H](#) đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và gửi con nhờ ông bà chăm sóc từ năm 2022 đến nay. Việc chị [H](#) ủy quyền cho ông bà thay chị [H](#) nuôi con trong thời gian đi làm xa nhà thì ông bà hoàn toàn đồng ý vì từ trước đến nay cháu [B](#) đều ở với ông bà. Gia đình ông bà có nhà cửa rộng rãi, thoáng mát, ông bà hiện nay không có công việc bận nên có nhiều thời gian quan tâm, chăm sóc cháu. Thực tế cháu [B](#) ở với ông bà đến nay rất khỏe mạnh, phát triển bình thường cả về thể chất và tâm lý, chị [H](#) cũng thường xuyên gọi điện về để nói chuyện với con và gửi tiền về để ông bà nuôi dạy cháu [B](#). Ông bà sẽ luôn tạo điều kiện tốt nhất về vật chất, tình cảm, chỗ ăn chỗ ở sinh hoạt để giúp chị [H](#) nuôi con.

Do ông bà hiện nay ở xa, điều kiện đi lại khó khăn, hiểm trở và ông bà còn có công việc gia đình, chăm sóc cháu nhỏ, đưa đón học hành không thuận tiện nên nếu Tòa án đưa vụ án ra xét xử thì ông bà xin được vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông bà.

[10] Từ nhận định tại đoạn [8] và [9], trên cơ sở xem xét nguyện vọng của con chung và đề nghị của người hiện đang chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu B, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy cần giao cháu B cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị H không yêu cầu anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

[11] Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[12] Về án phí: Chị Nguyễn Thi H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thi H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thi H được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2. Về việc nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 27/11/2015 cho chị Nguyễn Thi H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thi H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001785 ngày 17/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

4. Về quyền kháng cáo: Chị [Nguyễn Thị H](#) và anh [Hoàng Văn T](#) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 4 - Tuyên Quang;
- THADS khu vực 4 - Tuyên Quang;
- UBND xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Quy